TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST.
Ngày: 19/8/2024.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Sơn
2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2024/TLST-KDTM ngày 19/4/2024, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh" theo Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 03/2024/QĐ-GHXX ngày 19/6/2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐST-KDTM ngày 02/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T; Địa chỉ: Số 42, lô C Khu dân cư H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dụng Thanh T2, chức vụ: Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T1 – sinh năm 1965 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/3/2024) (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã L, thành phố P1, tỉnh Bình Thuận.

***Bị đơn*:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Việt Q, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2024 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T ủy quyền cho bà Phạm Thị Thanh T1 trình bày:

Giữa ông Dụng Thanh T2 là chủ tịch Công ty T và ông Phạm Việt Q Giám đốc Công ty Đ có sự quen biết từ tháng 8 năm 2017, ông Q có gặp ông T2 bàn bạc và thoả

thuận giữa 2 công ty phối hợp để liên kết đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp cùng tổ chức sản xuất kinh doanh lợi nhuận thì chia đôi. Ông Q cho biết cơ sở để Công ty Đ ký hợp đồng hợp tác cùng kinh doanh với Công ty T là do ông Q có ký hợp đồng hợp tác với Công an tỉnh Bình Thuận về việc Công an Tỉnh có giao cho Công ty Đ diện tích 144 ha đất tại Sông Luỹ Bắc Bình trên đó có 9.955 trụ cây thanh long để công ty Đ khai thác, trồng cây, chăn nuôi và phân chia lợi nhuận với Công an tỉnh. Ngày 21/9/2017 Công ty TNHH Đ và Công ty T ký hợp đồng kinh tế về việc liên kết đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp. Trong hợp đồng cùng thể hiện cả hai bên thống nhất cùng đầu tư góp vốn để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất 144 ha tại địa điểm xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; 144 ha đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên A (là Công ty TNHH Đ) trên cơ sở pháp lý quyền sử dụng đất của bên A theo hợp đồng giữa bên A và Công an Tỉnh Bình Thuận. Thời gian liên kết đầu tư là 10 năm, kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/10/2027. Công ty T đã góp vốn vào giai đoạn đầu và số tiền đã được ông Phạm Việt Q ký giấy nhận tiền ngày 27/10/2017 đã nhận đủ 900.000.000 đồng theo đúng Điều 3.1 của hợp đồng. Việc phân chia lợi nhuận hoặc bù lỗ của dự án liên kết cũng được thể hiện ở Điều 4 là phân chia lợi nhuận mỗi bên là 50 %, Nếu kết quả thua lỗ mà bắt buộc phải bù lỗ bằng tiền mặt để tiếp tục thực hiện dự án liên kết thì mỗi bên cũng chi trả 50% cho giá trị bù lỗ. Nhưng sau khi ký hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 và nhận tiền Công ty T phát hiện công ty Đ tự ý giả mạo văn bản pháp lý của Công ty Đ và Công an tỉnh nên công ty T đã yêu cầu sửa lại hợp đồng cho phù hợp với thực tế, cả hai công ty đều thống nhất ký thêm một phụ lục hợp đồng Công Ty T đã soạn thảo và gởi cho Công ty Đ ký tiếp, nhưng mấy tháng sau vẫn không thấy công ty Đ ký phụ lục hợp đồng gởi cho Công ty T vì vậy ngày 19/12/2017 Công ty XD T đã gởi công văn số 09/CV/2017-T về việc đề nghị Công ty TNHH Đ ký và chuyển giao phụ lục hợp đồng, nhưng Công ty Đ vẫn không ký phụ lục hợp đồng cũng như không lập kế hoạch sản xuất để thống nhất kế hoạch đầu tư vốn và tiến độ sản xuất kinh doanh, việc lập kế hoạch phải được thể hiện bằng văn bản như thoả thuận của điều 2 hợp đồng ký kết. Công ty T đã rất nhiều lần mời Công ty Đ cùng họp bàn cách giải quyết nhưng đều không thấy phản hồi, ngày 14/6/2018. Công ty XD T đã gởi công văn số 30/CV/2018-T yêu cầu giải quyết vụ việc khi biết được toàn bộ khu đất của dự án đã được cho người khác thuê lại mà không hề bàn bạc gì với công ty. Sau nhiều lần yêu cầu Công ty Đ làm việc và giải quyết về vấn đề lên kế hoạch sản xuất, sử dụng vốn cũng như việc phân chia lợi nhuận hay bù lỗ như thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng kinh tế 21/9/2017, nhưng vẫn không phản hồi vì vậy ngày 7/8/2018 Công ty T đã làm đơn tố cáo ông Phạm Việt Q đại diện theo pháp luật Công ty Đ về hành vi "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Cty T cho đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời của Công an tỉnh. Do vậy sự việc xảy ra quá lâu Công ty T không thể chờ đợi việc giải quyết của cơ quan Công an nên nay có yêu cầu khởi kiện ra Toà án yêu cầu Công ty Đ trả lại khoản tiền đã góp vốn ban đầu là 900.000.000₫ và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Theo hợp đồng kinh tế giữa 2 bên quy định tại Điều 3.2 quá trình góp vốn từng giai đoạn, giai đoạn 1 từ ngày ký hợp đồng bên B phải góp vốn cho bên A là 0,9 triệu đồng, giai đoạn 2 ngày 30/4/2019 góp 900.000.000đ và giai đoạn 3 góp số tiền 1,98 tỷ

VNĐ vào ngày 30/10/2022. Nhưng sau giai đoạn 1 bên B đã góp vốn cho bên A nhưng bên A không đưa ra bất kỳ một kế hoạch nào để thực hiện hợp đồng (Điều 2 đã quy định) cũng không thống nhất với bên B về việc chia lợi nhuận hoặc giá trị bù lỗ như thế nào? Việc Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo thoả thuận trong hợp đồng đã làm cho Công ty T không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng, Công ty T không đạt được mục đích của hợp đồng là được phân chia lợi nhuận của năm 2017 và 2018. Vì Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trong nghĩa vụ của hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 nên Công ty T không thể tiếp tục hợp đồng góp vốn vào giai đoạn 2 nay yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng. Hơn nữa trên thực tế hiện nay Công ty Đ cũng đang cho người khác thuê lại diện tích đất trên để khai thác và sản xuất đối tượng của hợp đồng hợp tác cũng không còn nên hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện. Căn cứ vào quy định của khoản 14 điều 3, khoản 1 điều 27 Luật đầu tư và điểm b khoản 1 điều 423 Bộ luật Dân sự thì Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng vì đã không thực hiện theo Điều 2, Điều 4 hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 21/9/2017 là căn cứ để huỷ bỏ hợp đồng và yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc huỷ bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật. Công ty T chưa nhận gì của Công ty Đ nên không có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Đ tài sản nào. Công ty Đ có nhận của công ty T 900.000.000đ nay yêu cầu hoàn trả, thiệt hại của hợp đồng là khoản tiền công ty T đã bỏ ra ban đầu để Công ty Đ lập hồ sơ dự án với Công an tỉnh (có giấy biên nhận vào ngày 5/9/2017 của ông Phạm Việt Q là giám đốc) là số tiền 150.000.000đ. Số tiền trên do Công ty Đ nhận để lo thủ tục ký hợp đồng với Công an tỉnh nhưng nay dự án trên Công ty Đ đã sang nhượng cho đơn vị khác nên Công ty T bị thiệt hại mất khoản tiền trên. Lỗi do hợp đồng bị huỷ bỏ hoàn toàn do bên Công ty Đ nên khoản thiệt hại này Công ty Đ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nay Công ty T yêu cầu Tòa án huyện Hàm Thuận Bắc giải quyết: Huỷ bỏ hợp đồng kinh tế hợp tác kinh doanh ngày 21/9/2017 giữa Công ty Đ và Công ty T. Buộc Công ty Đ phải trả cho Công ty T số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) sau khi ký hợp đồng và trả lại số tiền 150.000.000đ đã nhận trước đó để lo thủ tục thuê đất, tổng cộng là 1.050.000.000đ.

*Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ do ông Phạm Việt Q - Giám đốc trình bày***:** Nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T là bên vi phạm Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017. Cụ thể: Công ty TNHH Thương mai dịch vụ xây dựng T đã có hành vi không thiện chí thực hiện Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017. Từ đó họ đã tự bịa ra chuyện bên Công ty chúng tôi giả mạo hợp đồng bên Công an. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T đã có Văn bản số 09/CV/2017-T ngày 19/12/2017 nội dung đề nghị điều chỉnh Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 nhưng chúng tôi không đồng ý, không trả lời. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T đã có Văn bản số 30/CV/2017-T ngày 14/6/2018 thể hiện nội dung chấm dứt Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 bằng cách đưa tranh chấp ra tòa án giải quyết. Thực tế Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T muốn chiếm quyền lợi lớn hơn, tự đưa ra các điều kiện trái pháp luật nhằm chấm dứt Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017. Ngày 07/8/2018 Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T đã có đơn tố cáo gửi Công an tỉnh Bình Thuận nhưng vụ việc không có dấu hiệu tội phạm

và không được giải quyết. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T không thực hiện Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017, đã không đóng góp số tiền 900.000.000 đồng lần 2 vào ngày 30/4/2019. Như vậy có thể xác định Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T đã tự ý chấm dứt hợp đồng Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 theo Văn bản số 09/CV/2017- T ngày 19/12/2017 và Văn bản số 30/CV/2017-T ngày 14/6/2018 nêu trên vào ngày 14/6/2018. Cụ thể ngày 07/8/2018 Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng T đã có đơn tố cáo gửi Công an tỉnh Bình Thuận. Đơn khởi kiện ngày 24/3/2024 của nguyên đơn cũng thể hiện các bên tranh chấp từ năm 2017, không thực hiện đúng Hợp đồng từ ngày 25/12/2017 nhưng họ không khởi kiện đến Tòa án. Công ty TNHH Đ đề nghị quý Tòa áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 319 Luật thương mại năm 2005, Điều 319 Luật thương mại năm 2019, Điều 145 Điều 150 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án trên Thời hiệu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 là 02 năm kể từ ngày 14/6/2018 đến nay đã hơn 06 năm, đã hết thời hiệu khởi kiện. Công ty TNHH Đ đề nghị quý Tòa áp dụng Điều 184, Điều 185 và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo hồ sơ thụ lý vụ án số 03/TLST-KDTM ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải trả cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T số tiền góp vốn kinh doanh là **1.050.000.000đ** (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa vì Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt chứng tỏ đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐST-KDTMST ngày 02/7/2024 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh*", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử

xác định: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ trả tiền vốn góp vào hoạt động kinh doanh. Đây là "Tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh" giữa hai bên có đăng ký kinh doanh trong hoạt động kinh doanh thương mại và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sơ tại thôn 2, xã Đ, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2]Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ giấy ủy quyền của nguyên đơn ủy quyền cho bà Phạm Thị Thanh T1 đại diện là hợp lệ đúng quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3]Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Qua lời khai của hai bên thì Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T do ông Dụng Thanh T2 làm Chủ tịch công ty và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ do Phạm Việt Q làm giám đốc cùng nhau ký kết Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 để làm cơ sở pháp lý cho hai bên thực hiện dự án liên kết đầu tư sản xuất nông nghiệp trên diện tích 144ha của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ tại xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Sau khi ký hợp đồng này thì Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng T góp vốn cho Công ty TNHH Đ với số tiền 900.000.000đ. Trước khi ký hợp đồng, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng T đưa trước cho Công ty TNHH Đ 150.000.000đ tiền lo thủ tục thuê đất. Theo điểm 2.2 Điều 2 của Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 quy định: "*Bên A có trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của dự án, hàng năm vào ngày 25/12 Bên A trình bày kế hoạch đã lập cùng với Bên B để thống nhất kế hoạch đầu tư vốn và tiến độ sản xuất kinh doanh. Việc thống nhất này được lập biên bản cuộc họp, biên bản cuộc họp hàng năm được xem là phụ lục của hợp đồng này và là căn cứ để hai bên thực hiện*". Sau khi ký Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 cho đến nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ không chứng minh được là đã lập kế hoạch sản suất kinh doanh nên lỗi hoàn toàn thuộc về Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ. Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 312, khoản 2 và khoản 3 Điều 314 Luật Thương mại năm 2005 thì Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 giữa Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ bị hủy bỏ và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ hoàn trả tài sản đã nhận cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T. Trong vụ án này, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã nhận 1.050.000.000đ của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T nên phải trả lại. Do đó, Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 giữa Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ trả số tiền góp vốn kinh doanh 1.050.000.000đ có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án là không đúng vì tại Điều 1 của Hợp đồng kinh tế ngày 21/9/2017 thể hiện thời gian liên kết đầu tư là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng này.

[5]Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6]Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ buộc phải trả tiền cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T, vì vậy Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả 1.050.000.000đ theo quy định của pháp luật là 43.500.000đ (36.000.000đ + (250.000.000đ x 3%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm b khoản 4 Điều 312, khoản 2 và khoản 3 Điều 314 Luật Thương mại năm 2005. Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 410, Điều 413, Điều 423 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Khoản 4 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội về án phí, lệ phí Tòa án, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải trả cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T số tiền góp vốn kinh doanh là **1.050.000.000đ** (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015".

3.Về án phí, lệ phí:

-Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 22.050.000đ (Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013262 ngày 19/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

-Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 43.500.000đ (bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/8/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ung Thanh Quang